

Số tham chiếu: 60947064/22010458-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 15 tháng 4 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 4 năm 2021



Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4639-2018-004-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	5.036.657.221.748	4.687.474.318.155
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	378.657.564.474	186.128.945.136
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	658.753.835.617	333.922.000.000
3	Các khoản phải thu	1.583.841.704.428	1.017.982.278.374
4	Hàng tồn kho	2.326.448.345.440	2.890.086.160.241
5	Tài sản ngắn hạn khác	88.955.771.789	259.354.934.404
II	Tài sản dài hạn	3.296.898.249.448	3.548.185.046.972
1	Các khoản phải thu dài hạn	4.922.863.997	4.033.781.253
2	Tài sản cố định	2.932.849.004.090	3.226.429.921.863
	- TSCĐ hữu hình	2.891.803.914.080	3.178.234.984.439
	- TSCĐ thuê tài chính	35.598.306.514	41.186.058.736
	- TSCĐ vô hình	5.446.783.496	7.008.878.688
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31.596.386.617	1.001.067.360
4	Bất động sản đầu tư	-	-
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
6	Tài sản dài hạn khác	327.529.994.744	316.720.276.496
III	Tổng tài sản	8.333.555.471.196	8.235.659.365.127
IV	Nợ phải trả	5.910.793.431.339	6.096.728.817.746
1	Nợ ngắn hạn	5.156.605.372.301	4.999.628.646.905
2	Nợ dài hạn	754.188.059.038	1.097.100.170.841
V	Vốn chủ sở hữu	2.422.762.039.857	2.138.930.547.381
1	Vốn chủ sở hữu	2.422.762.039.857	2.138.930.547.381
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	975.098.260.000	886.470.620.000
	Thặng dư vốn cổ phần	464.371.374.500	464.371.374.500
	Vốn khác của chủ sở hữu	-	88.627.640.000
	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	1.931.977.742	1.931.977.742
	Cổ phiếu quỹ	-	-
	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	Quỹ đầu tư phát triển	3.430.602.730	3.430.602.730
	Lợi nhuận chưa phân phối	977.929.824.885	694.098.332.409
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
VI	Tổng nguồn vốn	8.333.555.471.196	8.235.659.365.127

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	12.437.878.102.516	12.612.255.730.540
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(76.922.638.092)	(40.903.270.067)
3	Doanh thu thuần	12.360.955.464.424	12.571.352.460.473
4	Giá vốn hàng bán	(11.450.014.429.109)	(11.794.758.617.790)
5	Lợi nhuận gộp	910.941.035.315	776.593.842.683
6	Doanh thu hoạt động tài chính	94.685.893.590	72.028.746.953
7	Chi phí tài chính	(270.956.045.097)	(354.956.704.331)
8	Chi phí bán hàng	(292.261.889.647)	(283.458.175.378)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(97.457.596.496)	(127.829.603.511)
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	344.951.397.665	82.378.106.416
11	Thu nhập khác	11.899.721.445	7.760.562.222
12	Chi phí khác	(9.263.545.599)	(1.500.367.357)
13	Lợi nhuận khác	2.636.175.846	6.260.194.865
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	347.587.573.511	88.638.301.281
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(62.031.025.787)	(11.601.134.127)
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	503.365.165	(288.584.203)
17	Lợi nhuận sau thuế	286.059.912.889	76.748.582.951

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	60,44%	56,92%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	39,56%	43,08%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	70,93%	74,03%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	29,07%	25,97%
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành	0,98	0,94
Khả năng thanh toán nhanh	0,53	0,36
Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,30%	0,61%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,43%	0,93%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,81%	3,59%